

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/10/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	426	P6+P4+VSP02	7:25	14+0+8	0+0+0		7+1+0	0+0+0	TRANS 5 PAX P4-VSP-02
2	406	PPD+P8+P6	7:25	7+11+4	0+0+0		1+7+14	0+0+0	
3	410	TTC1+TTC3+TTC2	7:25	7+7+8	0+0+0		5+5+12	0+0+0	
4	424	MRM+RP1+RP2	7:25	20+0+0	0+0+0		8+6+8	0+0+0	
5	426	AMD	9:25	22	0		15	0	
6	406	TD2+P5+AMD	9:25	4+7+10	0+0+0		0+2+15	0+0+0	
7	410	VSP01+RC3	9:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
8	424	RP3+CNV+AMD	9:25	5+2+15	0+0+0		0+1+10	0+0+0	
9	426	MRM+VSP02+RC5	11:25	15+2+4	0+0+0		7+8+0	0+0+0	TRANS 1 PAX VSP-02-RC5
10	406	TTC1+TTC3+P8	11:25	2+2+18	0+0+0		1+1+18	0+0+0	
11	410	P6+VSP01	11:25	12+10	0+0		11+9	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : 1/1 NG XNXL TỪ P4 CHUYỂN QUA VSP02 SAU ĐÓ CHUYỂN SANG RCS CHUYỂN CUỐI 2/ĐI VỀ TRONG NGÀY VSP02-8NG, TTC1-1NG, TTC3-1 NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2017	TO: P6 - P4 - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Phong - HUNG - THU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VINH QUANG	P6	40-41	2	12	30	73	YTE	Vietnamese
2	KIRICHENKO S.P	P6	38	1	5		77	KH-THAC	Russian
3	RAMIL KROGHLUYEV	P6	39	1	8		80	KH-THAC	Russian
4	THAI TRONG BINH	P6	47	1	13		79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN NAM	P6	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHUONG VAN MINH	P6	46	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HUU NHAN	P6					72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NHAT THANH	P6	42	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	HA DUY DONG	P6	51	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
10	DO VAN TUNG	P6	49	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
11	DANG DINH HOA	P6	45	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN HUY THAI	P6	48	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM NGOC AN	P6	50	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN BAO TOAN	P6	43	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese
15	LE DANG TAM	VSP02				50	67	D-HANH	Vietnamese
16	PHAAM DINH DON	VSP02					59	D-HANH	Vietnamese
17	LE HAI QUAN	VSP02					78	D-HANH	Vietnamese
18	NGUYEN DINH TUAN	VSP02	12	1	3		65	D-HANH	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC TUAN	VSP02					67	D-HANH	Vietnamese
20	LE HOAI NAM	VSP02					58	D-HANH	Vietnamese
21	TRAN DINH QUOC	VSP02	15	1	6		73	D-HANH	Vietnamese
22	TRAN TAN HOA	VSP02	13-14	2	6		63	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	14	14	77	1.012	30	7		CHUYEN 5 PAX TU P4 SANG VSP02
2	P4	0	0	0	0	20	1	5	
3	VSP02	8	4	15	530	50	0		
TOTAL		22	18	92	1.542	100	8		
WEIGHT KG				92	1.542	100			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Oct-17	TO: PPD - P8 - P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - CHIÊN - DKHÁNH	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ NGỌC TUẤN	PPD	36	1	6		75	KHI	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN TRÚC	PPD	37	1	7		65	KHI	Vietnamese
3	MAC VĂN VIÊN	PPD	35	1	17		75	KHI	Vietnamese
4	HỒ CHUNG	PPD	34	1	7		70	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN KHÁC THIÊN	PPD	33	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	PPD	39	1	6		57	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN KIM TUẤN	PPD	38	1	8		75	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN QUY	P8	17	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐÔNG	P8	20-21	2	15		78	YTE	Vietnamese
10	TRẦN KIM CUÔNG	P8	32	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HỒNG	P8	16	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM PHƯƠNG NAM	P8	18	1	8	20	53	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG HOÀ	P8	11-12	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	P8	19	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÀO TIẾN ĐẠT	P8	13-14	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ANH TRI	P8					65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC TẠNH	P8	15	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	P8					78	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ QUANG MINH	P6	04	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN BUI TOÀN	P6	01	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG TRỌNG GIAO	P6	03	1	2	80	65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TUẤN	P6	02	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	7	7	56	487	0	1		
2	P8	11	12	71	744	20	7		
3	P6	4	4	19	251	80	14		
TOTAL		22	23	146	1.482	100	22		
WEIGHT KG				146	1.482	100			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2017	TO: TTC1 - TTC3 - TTC2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - NNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	RAKHMATULIN	TTC1	47	1	3		73	NIPI	Russian
2	NGUYỄN VĂN HÙNG	TTC1	55	1	5	22	73	GETRACO	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN THANH	TTC1	52	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN LINH HOẠT	TTC1	49-51	3	14		79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN SƠN TÙNG	TTC1	54	1	2		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THUƠNG	TTC1	48	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
7	LE QUANG HUY	TTC1	53	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
8	CHU MINH HÙNG	TTC3	33	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN TRUNG KIẾN	TTC3	35	1	5		65	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG BẢNG	TTC3	32	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUY TÀI	TTC3	30	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BA DUY	TTC3	36	1	4	10	55	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HOÀNG CHUÔNG	TTC3	34	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
14	CHU ĐỨC HÙNG	TTC3	37	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	TTC2	77	1	18		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHÙNG MINH HIỆU	TTC2	73	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC XUÂN	TTC2	72	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
18	LE PHƯƠNG	TTC2	76	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
19	LUU VAN AN	TTC2	78	1	8	25	68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VINH DUNG	TTC2	80	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO VĂN MINH	TTC2	79	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN QUANG CẢNH	TTC2	74-75	2	10		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	7	9	41	520	22	5		
2	TTC3	7	7	31	458	10	5		
3	TTC2	8	9	64	529	25	12		
TOTAL		22	25	136	1.507	57	22		
WEIGHT KG				136	1.507	57			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2017	TO: MRM - RP1 - RP2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Bằng - PHÚ - CUÔNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NAM HAI	MRM	87	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	MAI SINH CUNG	MRM	88	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN HUY DAO	MRM	85-86	2	13		63	KHOAN	Vietnamese
4	ĐAO VIET VAN	MRM	84	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
5	STRIRNHEV DANIN	MRM	82-83	2	18		93	KHOAN	Russian
6	GENNADY DVORYANKIN	MRM	07	1	10		105	KHOAN	Russian
7	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	81	1	12		79	KHOAN	Russian
8	RATUSHNYI VLADIMIR	MRM					125	KHOAN	Russian
9	VARENOV GRIGORII	MRM	77-78	2	17		75	KHOAN	Russian
10	DEVADZE OLEG	MRM	33	1	6		95	KHOAN	Russian
11	SIZOV DMITRII	MRM	15	1	15		112	KHOAN	Russian
12	TYUNIN DMITRY	MRM	17	1	7	57	90	KHOAN	Russian
13	KILASHKO VITALII	MRM	16	1	6		118	KHOAN	Russian
14	DENIKIN SERGEY	MRM	80	1	17		92	KHOAN	Russian
15	KOVALENKO	MRM	34,08	2	10		76	KHOAN	Russian
16	KIMAKOVSKII MAKSIM	MRM	18	1	5		80	KHOAN	Russian
17	MIRONENKO VITALII	MRM	75	1	7		78	KHOAN	Russian
18	MOLODYKH MIKHAIL	MRM	76	1	8		80	KHOAN	Russian
19	IAKUNIN IGOR	MRM	79	1	6		100	KHOAN	Russian
20	IAREMCHENKO TARAS	MRM	32	1	7		87	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	20	23	181	1.759	57	8		
2	RP1	0	0	0	0	3	6		
3	RP2	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		20	23	181	1.759	60	22		
WEIGHT KG				181	1.759	60			

GRAND TOTAL: 2.000 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2017	TO: AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - Phong - THU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZAINAL MUCHTADIN	AMD	16	1	13	80	67	KH-THAC	Indonesian
2	DO THANH HUNG	AMD	10	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VU THANG	AMD	11	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
4	THAN CANH THINH	AMD	12-13	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DUY LAM	AMD	15	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
6	LA NGOC HOAN	AMD	14	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG CHI PHONG	AMD	53	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN THANH	AMD	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC KHANH	AMD	06-08	3	15		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM NGOC THACH	AMD	96	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
11	LE ANH MINH	AMD	97	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
12	LUU QUY DON	AMD	98	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LE THANH TAN	AMD	55	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
14	LE PHONG VIEN (PVDI)	AMD	03	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN QUANG	AMD	05	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TAN	AMD	04	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
17	VU VIET THANG	AMD	02	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
18	DAO CONG BINH	AMD	56	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN DUC CUONG	AMD	153	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
20	LA NGOC MANH (PVDI)	AMD	01	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VAN SAU	AMD	54	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN KHAC CHINH	AMD	57	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	25	167	1.462	80	22		
TOTAL		22	25	167	1.462	80	22		
WEIGHT KG				167	1.462	80			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2017	TO: TD2 - P5 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hạnh - CHIẾN - ĐK HÁNH	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	TD2	82-83	2	17		82	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ TRUNG KIẾN	TD2	79	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN AN NINH	TD2	80	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐỨC SANG	TD2	81	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
5	CÙ CHÍ CÔNG	P5	92	1	16		64	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TOÀN	P5	91	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ HỒNG HẠN	P5	88-89	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM HỒNG QUÂN	P5	90	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC CHÍN	P5	93-94	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ THANH LONG	P5	97-98	2	17		88	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG QUYNH	P5	95-96	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN THUY (PVDI)	AMD	46	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN TRUNG KIẾN (PVDI)	AMD	47	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN TÚ	AMD	35	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	38	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH CÚ	AMD	36-37	2	14		60	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ QUANG VIỆT	AMD	40	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HUU ĐẶNG	AMD	39	1	8	23	82	KH-THAC	Vietnamese
19	THAI QUÂN	AMD	41-42	2	13		60	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ XUÂN TÂM	AMD	43	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TOÀN THẮNG	AMD	44-45	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
22	CARILLO ANTONIO	AMD	48-49	2	10		75	KH-THAC	ESPANA

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	4	5	57	299	0	0		
2	P5	7	11	109	479	0	7		
3	AMD	11	15	103	764	23	15		
TOTAL		22	31	269	1.542	23	22		
WEIGHT KG				269	1.542	23			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2017	TO: VSP01 - RC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - NNam	ETA: 11:20
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ROMANOV	VSP01	20	1	5		113	KH-THAC	Russian
2	ĐO THANH HUNG	VSP01	16	1	5		72	YTE	Vietnamese
3	TRUBOCHKIN	VSP01	23-24	2	17		85	KH-THAC	Russian
4	NG. MẠNH TUẤN	VSP01	17-18	2	13		69	KH-THAC	Vietnamese
5	TRINH TIEN BINH	VSP01	31	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN PHUC	VSP01	26-27	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VAN SON	VSP01	21-22	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN CHAU	VSP01	15	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	30	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM DUY QUANG	VSP01				75	75	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VAN TRUONG	VSP01	32	1	12		64	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐANG ĐỨC ANH	VSP01					69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN THUY	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG THUC	VSP01	01	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU TOAN	VSP01	02	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ HUNG DUNG	VSP01	29	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
17	BORVINSKY	VSP01	19	1	10		90	KH-THAC	Russian
18	LÊ SỸ KHÔI	VSP01					84	KH-THAC	Vietnamese
19	VÔ VĂN TIEN	VSP01	25	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THANH	VSP01	28	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG PHUC LUONG	VSP01					74	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN THANH HA	VSP01					73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

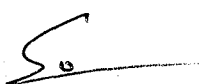
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	22	20	128	1.653	75	20		
2	RC3	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	20	128	1.653	75	22		
WEIGHT KG				128	1.653	75			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2017	TO: RP3 - CNV - AMD	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Bằng - PHÚ - CƯỜNG	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TRỌNG BÀI	RP3	02	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG HIỂU	RP3	04-05	2	15	20	75	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI QUỐC CƯỜNG	RP3	03	1	8	62	52	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THAI SƠN	RP3	06	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	RP3	01	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI SONG TOÀN	CNV	82	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ KHA ĐẠO	CNV	81	1	9	15	68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HUÂN	AMD	65	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN PHONG	AMD	53	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGHỆ	AMD	54	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC THỊNH	AMD	55	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THỊ	AMD	67	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN THIÊN	AMD	56	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	AMD	59	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN CAO TẠNG	AMD	60	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ TRỌNG TUÂN	AMD	66	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN MINH HUE	AMD	63-64	2	14		56	KH-THAC	Vietnamese
18	KHUONG DINH KHA	AMD	68	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN KHANH TOÀN	AMD	99	1	8		53	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THANH PHONG	AMD	57-58	2	8	72	67	KH-THAC	Vietnamese
21	VO VĂN NAM	AMD	61-62	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	5	6	59	337	82	0		
2	CNV	2	2	16	142	15	1		
3	AMD	14	17	103	915	72	10		
TOTAL		21	25	178	1.394	169	11		
WEIGHT KG				178	1.394	169			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11-Oct-17	TO: MRM - VSP02 - RC5	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Phong - <i>Phong</i> - THU	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NAUMENKO	MRM	34	1	4	16	110	KHOAN	Russian
2	FILATOV SERGEY	MRM	33	1	15		121	KHOAN	Russian
3	BYKOV VASILII	MRM					86	KHOAN	Russian
4	TRAN SY VUONG	MRM	36	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
5	LE VAN HIEN	MRM	37	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DINH CUONG	MRM	41	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
7	TRINH CHI CUONG	MRM	42	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG TUAN NAM	MRM	39	1	9		56	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN GIA CHINH	MRM	38	1	6		50	KHOAN	Vietnamese
10	VU DINH HUNG	MRM	35,51	2	8		84	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN THANG	MRM	40	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
12	VU HUU NHAN	MRM	43-44	2	14		58	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THANH DUY	MRM	45	1	7		52	KHOAN	Vietnamese
14	LE DAC VU	MRM	46-47	2	11		76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN MANH CUONG	MRM	48-50	3	20		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC DANH	VSP02	19-20	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG VAN NGOC	VSP02	21	1	17		53	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN VAN HUY	RC5	92	1	13	66	75	KH-THAC	Vietnamese
19	DO VAN TRUONG	RC5	91	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VAN TIET	RC5	90	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LE THANH BINH	RC5	89	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	15	19	115	1.095	16	7		CHUYEN 1 PAX TU VSP02 SANG RC5
2	VSP02	2	3	37	117	0	8+1		
3	RC5	4	4	43	280	66	0		
TOTAL		21	26	195	1.492	82	15		
WEIGHT KG				195	1.492	82			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

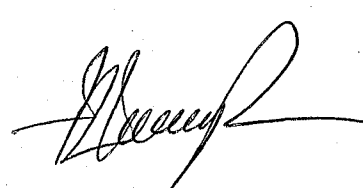
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2017	TO: TTC1 - TTC3 - P8	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG -	ETA: 13:15
CAM-3		DKHANH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU CUÔNG	TTC1	59	1	3	35	59	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THUY	TTC1	58	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CHI HIEU	TTC3	28-29	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN BAC	TTC3	27	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯƠNG TRỌNG VU	P8					58	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT THANH	P8					65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	P8	27	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
8	LÝ THANH CHUÔNG	P8	26	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN VŨ	P8	34	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRI HUNG	P8	33	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BA HOANG	P8	30	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG HUY	P8	35	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
13	DƯƠNG TRI NAM	P8					79	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NHAN	P8					58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN KHOA SỸ	P8	31	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN DUNG	P8	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN MINH	P8	23	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI ĐỨC HẬU	P8	37	1	10		55	CODIEN	Vietnamese
19	HOANG MINH NGOC	P8	36	1	10	40	65	CODIEN	Vietnamese
20	ĐOÀN VĂN THỊNH	P8	24	1	3		45	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH GIAU	P8	25	1	3		65	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH SƠN	P8	28	1	5		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	2	2	9	122	35	1		
2	TTC3	2	3	17	135	0	1		
3	P8	18	14	74	1.189	40	18		
TOTAL		22	19	100	1.446	75	20		
WEIGHT KG				100	1.446	75			

GRAND TOAL: 1.621 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Oct-17	TO: P6 - VSP01	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:40
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - KHAI - N Nam	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG TIEN DUNG	P6	16	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DAI THANG	P6	18	1	8		104	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN XUAN KHANH	P6	12	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN HAI	P6	10	1	6	55	62	KH-THAC	Vietnamese
5	NYKITIN D.I	P6	09	1	10		87	KH-THAC	Russian
6	FIRSOV	P6	13-14	2	13		96	ANTOAN	Russian
7	LE VAN TAI	P6	21	1	3		75	GETRACO	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG PHO	P6	17	1	4		56	GETRACO	Vietnamese
9	TRAN DUY HUNG	P6	19	1	4		60	GETRACO	Vietnamese
10	LE VAN HAN	P6	11	1	4		60	GETRACO	Vietnamese
11	ĐANG QUỐC KHANH	P6	15	1	3		62	GETRACO	Vietnamese
12	TRAN QUANG UY	P6	20	1	4		65	GETRACO	Vietnamese
13	NGUYEN DUC THIEN	VSP01	16	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN DUNG	VSP01	18	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH TAN DUNG	VSP01	21-22	2	11		78	KH-THAC	Vietnamese
16	GIA QUANG CUONG	VSP01	19	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TAN HAU	VSP01					65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUY DONG	VSP01	23	1	6	25	72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THANH LOI	VSP01	25	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI KHAC HUY	VSP01	20	1	7		65	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN KHAC CUONG	VSP01	24	1	3		65	CODIEN	Vietnamese
22	ROGINSKY	VSP01	17	1	14		104	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	12	13	68	877	55	11		
2	VSP01	10	10	65	740	25	9		
TOTAL		22	23	133	1.617	80	20		
WEIGHT KG				133	1.617	80			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/10/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	410	RC4+CLO+TD1	7:25	7+15+0	0+0+0		6+11+5	0+0+0	
2	420	P2+CLO+TD3	7:25	19+1+2	0+0+0		8+6+6	0+0+0	
3	410	RP2+VSP02+TD1	9:25	4+0+18	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
4	420	P1+JS2+P2	9:25	5+17+0	0+0+0		0+15+7	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : 1/ 7NG ĐH ĐI P2 CHUYỂN 1 VỀ CHUYỂN 2. 2/ 1 NGƯỜI TỪ P7 VỀ BỎ QUA ĐIỂM P2, 3 NG TĐ5 VỀ QUA TĐ3

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/10/2017	TO: RC4 - CLO - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HỒI - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	RC4	41-42	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
2	CAO VĂN GIÁP	RC4	46	1	5		86	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN MINH HÙNG	RC4	43	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN LỘC	RC4	49-50	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ĐỊNH	RC4	47	1	10	60	78	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN MẠNH HÙNG	RC4	38	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI MẠNH HÀ	RC4	44-45	2	10		86	XAYLAP	Vietnamese
8	ROZGON A.L	CLO	79	1	10		100	KHOAN	Russian
9	PHẠM VĂN DUY	CLO	82	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	LUƠNG NGỌC KHUÔNG	CLO	85	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	CLO					85	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN PHỤC	CLO	87	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN SAU	CLO	81	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM MINH HOÀNG	CLO	77	1	7		92	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN ĐỊNH	CLO	86	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ MINH HIỆP	CLO	78	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN THANH TÂM	CLO	84	1	5	20	75	KHOAN	Vietnamese
18	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	80	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ VĂN BÌNH	CLO	83	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN ĐĂNG KHOA	CLO	74	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	CLO	75	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
22	PHAN VĂN HỌC	CLO	76	1	5		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

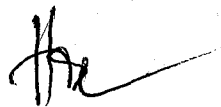
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	7	10	84	535	60	6		
2	CLO	15	14	84	1.096	20	11		
3	TD1	0	0	0	0	20	5		
TOTAL		22	24	168	1.631	100	22		
WEIGHT KG				168	1.631	100			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12-Oct-17	TO: P2 - CLO - TD3 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - PTUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

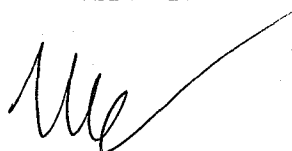
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ THỊ MÊN	P2				35	78	D-HANH	Vietnamese
2	PHẠM ĐÌNH ĐƠN	P2					60	D-HANH	Vietnamese
3	LE HAI QUÂN	P2					78	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH TUÂN	P2					60	D-HANH	Vietnamese
5	LE HOAI NAM	P2					57	D-HANH	Vietnamese
6	TRẦN ĐÌNH QUỐC	P2					72	D-HANH	Vietnamese
7	TRẦN TÂN HOA	P2	25-26	2	7		62	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYỄN BA SƠN	P2	15-16	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN LỘC	P2	13	1	18		60	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN LẠC	P2	17	1	17		90	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐÌNH QUANG SƠN	P2	20	1	15		56	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ THỊ CHUYỀN	P2	22	1	11		69	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN CẨM	P2	23-24	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN HỮU SƠN	P2	11-12	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese
15	LƯU QUÝ DUNG	P2	21	1	8		55	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐÀO QUANG THANH	P2	14	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI VĂN HỘI	P2	18	1	13		55	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC QUANG	P2	19	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG PHƯỚC	CLO	34	1	6		68	ANTOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN HIỆP	TD3	57	1	5		75	DSONG	Vietnamese
21	LE VAN BAO	TD3	52	1	11		62	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	53	1	15	53	82	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	16	165	1.179	35	10		1 NB RA (TRAN XUAN PHUC) + 1 NB VE
2	CLO	1	1	6	68	0	6		
3	TD3	3	3	31	219	53	6		
4	CTK3	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	20	202	1.466	88	22		
WEIGHT KG				202	1.466	88			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12-Oct-17	TO: RP2 - VSP02 - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hồi - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

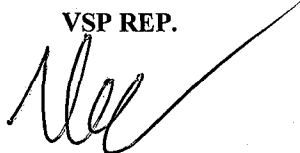
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ HAI LONG	RP2	01	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOÀN BƯU TÂM	RP2	02	1	12		110	KHOAN	Vietnamese
3	ĐINH QUANG CHIẾN	RP2	04	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
4	BUI THAI QUI	RP2	03	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG TUÂN ANH	TD1	79	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM ĐÔI	TD1	16	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	HA THANH TUNG	TD1					78	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH VĂN ĐIỀN	TD1	19	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC DỪNG	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THANH	TD1	21	1	5	10	80	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ VĂN KIẾN	TD1	20	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT CHUÔNG	TD1	23	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TUÂN ĐẠT	TD1	15	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	ĐO MINH DỪNG	TD1	18	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	TRINH HUU NGHIA	TD1	17	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NAM	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	100	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỞNG DƯƠNG	TD1	598	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM TẤT LỰC	TD1	22	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN DỪNG	TD1	96	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	TD1	499	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN ANH VINH	TD1	99	1	5		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

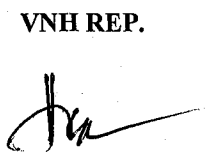
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	4	4	44	339	0	0		
2	VSP02	0	0	0	0	0	4		
3	TD1	18	15	75	1.296	10	18		
TOTAL		22	19	119	1.635	10	22		
WEIGHT KG				119	1.635	10			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2017	TO: P1 - JS2 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - PTUẤN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRỌNG	P1	88-89	2	15	60	81	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGHỊ	P1	91	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ MINH ĐỨC	P1	90	1	17		95	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG TUÂN HAI	P1	92	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN DUY KHANH	P1	86-87	2	20		81	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUANG CUÔNG	JS2	79	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
7	JEFFERY DELPHIN MARIUS	JS2	83	1	10	15	98	KHOAN	Indian
8	RAMZEE BIN KULA	JS2	88-89	2	12		86	KHOAN	Malaysian
9	PARK JEROME WILFRED BRISTBANE	JS2	92-93	2	15		101	KHOAN	Indian
10	PHAM DOAN HUNG	JS2	91	1	5	14	50	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN XUAN THI	JS2	97	1	9		57	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ MẠNH HÙNG	JS2	80	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ NHỎ CANG	JS2	81	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM VAN CUONG	JS2	98	1	15		88	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TRUONG	JS2	99	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
16	HO QUOC CUONG	JS2	82	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
17	HUYNH VAN TRUNG	JS2	85-86	2	17		92	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN NGOC TIEN	JS2	96	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN ĐẠI HÙNG	JS2	01	1	9		66	KHOAN	Vietnamese
20	PHAN THANH TÍNH	JS2	90	1	16		74	KHOAN	Vietnamese
21	PHAN ĐANG TUÂN	JS2	87	1	11		59	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	JS2	94	1	10	23	75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	5	7	71	395	60	0		
2	JS2	17	20	172	1.250	52	15		
3	P2	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	27	243	1.645	112	22		
WEIGHT KG				243	1.645	112			

GRAND TOAL: 2.000 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN